

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 6 - 2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hoàng Điệt;

Ông Đặng Duy Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 và ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T; Cư trú tại: Số 3, ấp Trà C, xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- Bị đơn: Anh Ngô Trọng Q; Cư trú tại: Số 5, ấp Mỹ L, Thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Ngô Trọng Q có tổ chức lễ cưới năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 10/12/2016. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 (Một) người con chung tên Ngô Ngọc Bảo H, sinh ngày 20/02/2016 hiện tại đang sống chung với

chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Trọng Q.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Ngô Ngọc Bảo H, sinh ngày 20/02/2016 cho đến khi con đủ 18 (Mười tám) tuổi, chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Ngô Trọng Q trình bày:

Anh Q thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về quan hệ hôn nhân: Hiện nay vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau. Chị T xin ly hôn thì anh Quý không đồng ý ly hôn, lý do anh Q vẫn còn thương vợ và con, anh Q muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Ngô Ngọc Bảo H, sinh ngày 20/02/2016 hiện tại đang sống chung với anh Q và chị T, anh Q không muốn giao con cho chị T nuôi vì anh Q không muốn ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q thống nhất với chị T là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị T và anh Q chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng không thể hàn gắn được; Về con chung tên Ngô Ngọc Bảo H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2016, con đang sống chung với chị T, tiếp tục giao con chung tên Ngô Ngọc Bảo H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2016 cho chị Thủy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại số 5, ấp Mỹ L, Thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Thu T và anh Ngô Trọng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 99, ngày 10 tháng 12 năm 2006. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q.

[3] Xét lý do xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị T và anh Q chung sống với nhau có 01 người con chung. Tuy nhiên, chị T và anh Q thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến cãi vã do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng nhiều, mặc dù đã cố hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi, từ đó làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tòa án đã triệu tập chị T và anh Q để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Q không có mặt hòa giải đoàn tụ, chị T thì cương quyết xin ly hôn cho thấy chị T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, còn anh Q muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Q không đưa ra biện pháp gì để thuyết phục chị T cho vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh Q cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh Q có 01 (Một) người con chung tên Ngô Ngọc Bảo H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2016, hiện tại đang sống chung với chị T. Xét thấy, từ khi cháu H sinh ra sống chung với chị T, chị T chăm sóc nuôi dưỡng, nên về mặt tình cảm thì cháu H gắn bó và yêu mến chị T nhiều hơn anh Q, hơn nữa cháu H là giới nữ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Tòa án có ghi ý kiến cháu H, cháu có nguyện vọng sống chung với chị T, điều kiện chăm sóc của chị T thuận lợi hơn anh Q, nhằm ổn định cuộc sống cho cháu H về mặt vật chất cũng như tinh thần. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử Quyết định tiếp tục giao con chung Ngô Ngọc Bảo H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2016 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi.

[5] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T là người có đơn xin ly hôn, chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Ngô Trọng Q.

2. *Về con chung:* Tiếp tục giao con chung tên Ngô Ngọc Bảo H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003523 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh